

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2021 /DS-ST  
Ngày 18 tháng 8 năm 2021  
*Về việc “Tranh chấp hợp  
đồng hợp tác bán hàng và  
kiện đòi tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Trường

**Các hội thẩm nhân dân:** 1, Ông Nguyễn Văn Tư.

2, Bà Nguyễn Thị Vượng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:** Ông Trần Minh Trí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2021/TLST-DS ngày 01/6/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng hợp tác bán hàng và kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2021/QĐXXST - DS ngày 13 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2021/QĐST-DS ngày 29/7/2021 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số 12, phố Đỗ Uông, phường Lê Thanh Nghị, thành phố HD, tỉnh HD.

(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Đại diện theo ủy Q: Ông Hoàng Quang Q, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số 31, ngõ 267 đường Phùng Khoang, tổ dân phố số 5, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, H (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

\* *Bị đơn:* Công ty cổ phần LMTD Việt Nam.

Người đại diện: Ông Nguyễn Văn C, chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ trụ sở chính: N24, Khu dân cư sỹ quan Quân đoàn 2, đường Hoàng Văn Thụ kéo dài, phường Dĩnh Kế, thành phố B, tỉnh B.

Địa chỉ chi nhánh: Số 15 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận BTL, thành phố H (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 83/5/2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị Thu H và người đại diện theo ủy Q của bà H là ông Hoàng Quang Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến trình bày như sau:

Ngày 21/8/2014 bà Trần Thị Thu H và Công ty cổ phần LMTD Việt Nam (viết tắt là Công ty) ký hợp đồng hợp tác bán hàng số 069574/HĐ-LMTD.

Tuy nhiên, để tham gia ký kết hợp đồng trên với tư cách là cộng tác viên, Công ty yêu cầu bà H phải mua các gói sản phẩm cụ thể như sau:

Ngày 30/04/2016 bà H mua 110 gói sản phẩm tại thị trường HD với giá là 8.450.000 đồng đồng/gói. Tổng số tiền của bà H đã mua của Công ty là 929.500.000 đồng (*Chín trăm hai mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng*). Sau đó bà H có nộp tiền vào Công ty, Công ty viết và đưa cho bà H 110 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho nhưng Công ty không viết cho bà H phiếu thu. Sau đó bà H lấy 27 gói sản phẩm cao sâm thì Công ty lại thu lại của bà H 27 Hóa đơn kiêm phiếu xuất kho vì Công ty quy định mỗi cộng tác viên hoặc người mua hàng khi lấy hàng đều phải nộp lại Hóa đơn kiêm phiếu xuất kho hoặc phiếu đặt hàng), còn lại 83 Hóa đơn kiêm phiếu xuất kho (tương đương 83 gói sản phẩm). Sau thời gian này bà H đến văn phòng đại diện của Công ty tại thị trường HD để nhận hàng hóa nhưng Công ty không có hàng để gửi cho bà.

Nhận thấy Công ty có dấu hiệu làm ăn không minh bạch, bà H nhiều lần đến Công ty đề xin nhận hàng thì Công ty nói không có. Bà H được biết ngày 03/11/2016 Công ty bị Cục Quản lý cạnh tranh thuộc Bộ Công Thương ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp. Khi nhận được thông tin này bà H và nhiều người tham gia đã nhiều lần lên Văn phòng đại diện của Công ty tại thành phố HD để yêu cầu Công ty hoàn trả lại tiền nhưng không được giải quyết.

Nhận thấy Công ty đã có những hành vi vi phạm khoản 2 Điều 16 Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp nên bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B buộc Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải trả lại cho bà H số tiền 701.350.000 đồng (*bảy trăm linh một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*) tương đương với các mã sản phẩm cụ thể như sau:

83 Hóa đơn kiêm phiếu xuất kho (tương đương 83 gói sản phẩm) x 8.450.000 = 701.350.000 đồng.

Bị đơn là Công ty LMTD Việt Nam, do ông Nguyễn Văn C, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty LMTD Việt Nam là người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để viết bản tự khai và trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã niêm yết toàn bộ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, quyết định xét xử và các giấy tờ tố tụng khác của Tòa án tại nơi Công ty đăng ký trụ sở chính.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có thu thập tài liệu chứng cứ từ các vụ án khác do Cục Quản lý cạnh tranh nay là Cục cạnh tranh và bảo vệ người tiêu

dùng - Bộ Công thương cung cấp cho Tòa án tài liệu liên quan đến Công ty cổ phần LMTD Việt Nam, bao gồm:

- Bản sao hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của Công ty.

- Bản sao hồ sơ sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của Công ty.

- Bản sao Quyết định số 252/QĐ-QLCT ngày 03/10/2016 của Cục Quản lý cạnh tranh về việc xử lý vụ việc cạnh tranh đối với Công ty. Trong Quyết định có nội dung: Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam không làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp khi có thay đổi, bổ sung liên quan đến Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10, Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp; Công ty đã thực hiện hành vi ký Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp không bao gồm đầy đủ thông tin theo quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện hành vi ký Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp với cá nhân không đủ điều kiện tham gia bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 19- Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ đào tạo cơ bản đối với người tham gia bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 20- Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện hành vi duy trì nhiều hơn một vị trí kinh doanh đa cấp, hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, mã số kinh doanh đa cấp hoặc các hình thức khác tương đương đối với một người tham gia bán hàng đa cấp, vi phạm quy định tại điểm p khoản 1 Điều 5 Nghị định 42/2014/NĐ-CP. Công ty đã vi phạm các quy định của Nghị định 42 về bán hàng đa cấp và quá trình hoạt động bán hàng đa cấp, Công ty đã có nhiều sai phạm nên Cục quản lý cạnh tranh, Bộ Công thương đã ra Quyết định xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh đối với Công ty. Ngoài hình thức phạt tiền, Cục quản lý cạnh tranh còn áp dụng hình phạt bổ sung và biện pháp khắc phục là “Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 36 Nghị định 71/2014/NĐ-CP”, Công ty cổ phần LMTD Việt Nam không còn tư cách về mặt chủ thể để tham gia bán hàng đa cấp.

- Tòa án đã mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng hòa giải không thành vì bị đơn vắng mặt không có lý do.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn

đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu H, buộc Công ty LMTD Việt Nam phải trả cho bà Trần Thị Thu H số tiền 701.350.000 đồng tương đương với 83 gói sản phẩm.

Về án phí: Công ty LMTD Việt Nam phải chịu án phí theo qui định. Bà Trần Thị Thu H không phải chịu án phí do yêu cầu được chấp nhận.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thấy: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm Q giải quyết vụ án thì thấy: Ngày 21/8/2014 bà Trần Thị Thu H và Công ty cổ phần LMTD Việt Nam ký hợp đồng hợp tác bán hàng số 069574/HĐ-LMTD. Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 30/04/2016 bà H lấy 27 mã sản phẩm, còn lại 83 mã sản phẩm bà H chưa nhận được. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà H với Công ty LMTD Việt Nam là quan hệ dân sự giữa cá nhân không có giấy phép đăng ký kinh doanh với pháp nhân có giấy phép đăng ký kinh doanh về Tranh chấp hợp đồng hợp tác bán hàng và kiện đòi tài sản, các bên không tự giải quyết được tranh chấp, bà H làm đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết, đây là “*Tranh chấp về Tranh chấp hợp đồng hợp tác bán hàng và kiện đòi tài sản*”. Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải trả cho bà H số tiền 701.350.000 đồng tương đương 83 gói sản phẩm.

Ngày 24/02/2015 bà Trần Thị Thu H và Công ty cổ phần LMTD Việt Nam ký hợp đồng hợp tác bán hàng số 069574/HĐ-LMTD. Theo đó, bà H đã mua của Công ty 110 mã sản phẩm tương đương với 1.183.000.000 đồng. Ngày 30/04/2016 bà H lấy 27 mã sản phẩm, còn lại 83 mã sản phẩm tương đương với 701.350.000 đồng thì bà H chưa nhận được.

Ngày 03/10/2016, cục quản lý cạnh tranh - Bộ Công thương có Quyết định về việc xử lý vụ việc cạnh tranh số 252/QĐ-QLCT đối với Công ty cổ phần LMTD Việt Nam. Tại Quyết định trên thì Công ty đã bị áp dụng hình phạt bổ sung và biện pháp khắc phục là thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp

theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 36 Nghị định 71/2014/NĐ-CP. Sau khi Công ty bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, bà Bé cũng đã nhiều lần đến Công ty để lấy hàng và đòi tiền, nhưng không được giải quyết.

Tổng giá trị 83 gói hàng là 701.350.000 đồng hiện bà H chưa nhận được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và điểm c khoản 2 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BCT ngày 30/7/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp.

[3] Về án phí: Yêu cầu của bà Trần Thị Thu H được chấp nhận, do vậy Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải chịu án phí DSST là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH83, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 147; Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 280, Điều 274, Điều 275 của Bộ luật dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 16 Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH83 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu H.

Buộc Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải trả cho bà Trần Thị Thu H số tiền là 701.350.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi một triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng*).

**2.** Về án phí: Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải chịu 32.054.000 (*Ba mươi hai triệu không trăm năm mươi tư nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

**3.** Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có Q chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/năm.

**4.** Về Q kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có Q làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự:** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thoả thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND Tỉnh B;
- VKS TP B,
- CCTHA dân sự TP B,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Trường**